UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 101 /KH-UBND	*Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2018*

KẾ HOẠCH

Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Sơn La

Thực hiện: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại.

- Chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh từ các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh được thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định bằng các công trình xử lý môi trường tại các cơ sở y tế đã được đầu tư ở mức tối đa có thể.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ cơ sở y tế trong công tác thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại.

- Nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn y tế nguy hại, cải thiện chất lượng môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

2. Yêu cầu:

- Đảm bảo đúng theo các quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Chất thải rắn y tế nguy hại phải được thu gom, phân loại riêng theo quy định về quản lý chất thải y tế và phân loại riêng với chất thải y tế thông thường ngay tại nguồn phát sinh và tại thời điểm phát sinh.

- Các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại; công trình xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phải đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Các cơ sở y tế phải bố trí nguồn lực nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại của cơ sở.

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng áp dụng

- Cơ sở khám chữa bệnh *(các BV tuyến tỉnh và tuyến huyện);*

- Cơ sở thuộc y tế dự phòng;

- Cơ sở đào tạo y dược;

- Trạm y tế xã;

- Cơ sở hành nghề y tư nhân;

2. Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Sơn La

2.1. Mô hình xử lý

2.1.1. Xử lý theo cụm cơ sở y tế

- Chất thải rắn y tế trong một cụm được thu gom và xử lý chung tại hệ thống, thiết bị xử lý đáp ứng yêu cầu quy định của một cơ sở trong cụm. Các cơ sở y tế không có hệ thống, thiết bị xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo quy định sẽ được áp dụng mô hình xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo cụm cơ sở y tế.

- Thiết bị xử lý chất thải rắn y tế nguy hại của cơ sở đảm trách xử lý theo cụm phải được đầu tư đáp ứng quy chuẩn về bảo vệ môi trường và vận hành thường xuyên, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và ghi đầy đủ thông tin vào Sổ nhật ký vận hành theo quy định về xử lý chất thải y tế nguy hại.

- Trường hợp chất thải rắn y tế nguy hại trong cụm phát sinh vượt quá khả năng xử lý của cơ sở được chỉ định xử lý thì cơ sở này phải ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân có giấy phép phù hợp để xử lý.

Các cơ sở y tế phát sinh chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh được phân thành các cụm theo địa giới hành chính để xử lý như sau:

a. **Cụm xử lý số 1**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

- Năng lực xử lý: công suất 35 - 65 kg/ giờ.

- Phạm vi xử lý: xử lý cho các cơ sở y tế trên địa bàn Thành phố Sơn La gồm: BVĐK tỉnh; Phục hồi chức năng; Nội tiết; Phong và da liễu; Tâm Thần; Trung tâm y tế dự phòng tỉnh; Trung tâm y tế thành phố; Trung tâm phòng chống Sốt rét - Côn trùng - Ký sinh trùng; Trung tâm kiểm nghiệm; Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS; Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ; các trạm y tế và các phòng khám tư nhân trên địa bàn Thành phố.

b. **Cụm xử lý số 2**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện Đa khoa huyện Mai Sơn.

- Năng lực xử lý: công suất 25 kg/ giờ.

- Phạm vi xử lý: xử lý cho các cơ sở y tế trên địa bàn huyện Mai Sơn gồm: BVĐK huyện Mai Sơn; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện.

c. **Cụm xử lý số 3**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Châu.

- Năng lực xử lý: công suất 25 kg/ giờ.

- Phạm vi xử lý: xử lý cho các cơ sở y tế trên địa bàn huyện Yên Châu gồm: BVĐK huyện Yên Châu; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện.

d. **Cụm xử lý số 4**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện Đa khoa huyện Mộc Châu.

- Năng lực xử lý: công suất 35 - 65 kg/ giờ.

- Phạm vi xử lý: xử lý cho các cơ sở y tế trên địa bàn huyện Mộc Châu gồm: BVĐK huyện Mộc Châu, Bệnh viện Đa khoa Thảo nguyên huyện Mộc Châu, Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình huyện Mộc Châu, huyện Vân Hồ; Trung tâm y tế huyện Mộc Châu, Vân Hồ; các trạm y tế thuộc 02 huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn 02 huyện.

e. **Cụm xử lý số 5**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Yên.

- Năng lực xử lý: công suất 25 kg/ giờ.

- Phạm vi xử lý: xử lý cho các cơ sở y tế trên địa bàn huyện Bắc Yên gồm: BVĐK huyện Bắc Yên; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện.

f. **Cụm xử lý số 6**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện Đa khoa huyện Phù Yên.

- Năng lực xử lý: công suất 30 - 50 kg/ giờ.

- Phạm vi xử lý: xử lý cho các cơ sở y tế trên địa bàn huyện Phù Yên gồm: BVĐK khu vực huyện Phù Yên; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện.

g. **Cụm xử lý số 7**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện Đa khoa huyện Sông Mã.

- Năng lực xử lý: công suất 25 kg/ giờ.

- Phạm vi xử lý: xử lý cho các cơ sở y tế trên địa bàn huyện Sông Mã gồm: BVĐK huyện Sông Mã; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện.

h. **Cụm xử lý số 8**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện Đa khoa huyện Sốp Cộp.

- Năng lực xử lý: công suất 25 kg/ giờ.

- Phạm vi xử lý: xử lý cho các cơ sở y tế trên địa bàn huyện Sốp Cộp gồm: BVĐK huyện Sốp Cộp; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện.

i. **Cụm xử lý số 9**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện Đa khoa huyện Thuận Châu.

- Năng lực xử lý: công suất 25 kg/ giờ.

- Phạm vi xử lý: xử lý cho các cơ sở y tế trên địa bàn huyện Thuận Châu gồm: BVĐK huyện Thuận Châu; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện.

j. **Cụm xử lý số 10**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Nhai.

- Năng lực xử lý: công suất 15 kg/ giờ.

- Phạm vi xử lý: xử lý cho các cơ sở y tế trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai gồm: BVĐK huyện Quỳnh Nhai; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện.

k. **Cụm xử lý số 11**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện Đa khoa huyện Mường La.

- Năng lực xử lý: công suất 30 - 50 kg/ giờ.

- Phạm vi xử lý: xử lý cho các cơ sở y tế trên địa bàn huyện Mường La gồm: BVĐK huyện Mường La; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện.

2.1.2. Xử lý tại chỗ

- Các cơ sở được chỉ định xử lý theo cụm như tại mục 2.1.1 phải có trách nhiệm tự đầu tư trang thiết bị, công trình để thu gom, lưu giữ chất thải y tế phát sinh, đồng thời phải có biện pháp xử lý theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Y tế.

- Đối với các cơ sở y tế thuộc địa bàn cụm nêu tại mục 2.1.1 khi được đầu tư công trình xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đảm bảo theo quy định thì tự xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh từ hoạt động của đơn vị.

2.2. Kế hoạch thực hiện và phương thức thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại

2.2.1. Phân loại, thu gom

Các cơ sở y tế có trách nhiệm thu gom, phân loại, lưu giữ chất thải rắn y tế nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, trong đó lưu ý:

- Việc phân loại riêng chất thải rắn y tế nguy hại và chất thải rắn y tế thông thường phải được thực hiện ngay tại nơi phát sinh và tại thời điểm phát sinh. Danh mục và mã chất thải y tế nguy hại được quy định tại Mục A của Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT. Cụ thể:

+ Chất thải lây nhiễm: Phải thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế; Trong quá trình lưu giữ, túi đựng chất thải phải buộc kín, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín, bảo đảm không bị rơi, rò rỉ chất thải; Có quy định tuyến đường và thời điểm thu gom chất thải lây nhiễm phù hợp để hạn chế ảnh hưởng đến khu vực chăm sóc người bệnh và khu vực khác trong cơ sở; Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải xử lý sơ bộ trước khi thu gom về khu lưu giữ, xử lý chất thải trong khuôn viên cơ sở.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Phải được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế; Chất thải có chứa thủy ngân được thu gom và lưu giữ riêng trong các hộp bằng nhựa hoặc các vật liệu phù hợp và bảo đảm không bị rò rỉ hay phát tán hơi thủy ngân ra môi trường.

- Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế ít nhất là 01 (một) lần/ngày. Riêng đối với các cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg/ngày, tần suất thu gom chất thải lây nhiễm sắc nhọn từ nơi phát sinh về khu lưu giữ tạm thời trong khuôn viên cơ sở y tế hoặc đưa đi xử lý, tiêu hủy tối thiểu là 01 (một) lần/tháng.

2.2.2. Lưu giữ

- Các cơ sở y tế phải bố trí thiết bị và khu vực lưu giữ chất thải rắn y tế trong khuôn viên cơ sở y tế đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Đối với các cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải rắn y tế nguy hại cho cụm cơ sở y tế và bệnh viện phải có khu vực lưu giữ chất thải y tế nguy hại đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Mục I, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Kế hoạch này.

+ Đối với các cơ sở y tế còn lại phải có khu vực lưu giữ chất thải rắn y tế nguy hại đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Mục II, Phụ lục 02 ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Chất thải rắn y tế nguy hại và chất thải y tế thông thường phải lưu giữ riêng tại khu vực lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế.

- Chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm phải lưu giữ riêng, trừ trường hợp các loại chất thải này áp dụng cùng một phương pháp xử lý.

- Thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm

+ Thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm phát sinh tại cơ sở y tế không quá 02 ngày trong điều kiện bình thường. Trường hợp lưu giữ chất thải lây nhiễm trong thiết bị bảo quản lạnh dưới 8^0C, thời gian lưu giữ tối đa là 07 ngày. Đối với cơ sở y tế có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg/ngày, thời gian lưu giữ không quá 03 ngày trong điều kiện bình thường và phải được lưu giữ trong các bao bì được buộc kín hoặc thiết bị lưu chứa được đậy nắp kín.

+ Đối với chất thải lây nhiễm được vận chuyển từ cơ sở y tế khác về cơ sở được chỉ định xử lý theo mô hình cụm, phải ưu tiên xử lý trong ngày. Trường hợp chưa xử lý được trong ngày, phải lưu giữ ở nhiệt độ dưới 20^0C và thời gian lưu giữ tối đa không quá 02 ngày.

- Thiết bị và khu vực lưu giữ chất thải y tế nguy hại phải có biểu tượng về loại chất thải lưu chứa theo quy định tại Phụ lục 03 kèm theo Kế hoạch này với kích thước phù hợp, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

2.2.3. Phương thức vận chuyển

a. Đối với các cơ sở xử lý tại chỗ:

Thực hiện vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại từ các khu vực phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải y tế của đơn vị để xử lý đảm bảo đúng quy trình.

b. Đối với các cơ sở xử lý theo cụm:

Việc vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại từ các cơ sở y tế trong cụm đến cơ sở được chỉ định xử lý cho cụm phải thực hiện bằng các hình thức sau:

-Trường hợp cơ sở y tế trong cụm thuê đơn vị bên ngoài phải có giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại để thực hiện vận chuyển chất thải của cơ sở mình đến cơ sở xử lý cho cụm. Đối với chủ xử lý chất thải nguy hại, chủ hành nghề quản lý chất thải nguy hại tham gia vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại trong cụm nhưng nằm ngoài phạm vi của giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép theo quy định tại Khoản 5 Điều 23 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMTtrước khi thực hiện.

- Trường hợp cơ sở y tế trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị khác *(không có giấy phép vận chuyển chất thải nguy hại hoặc giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại)* để vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại từ cơ sở y tế đến cơ sở được chỉ định xử lý cho cụm phải sử dụng xe thùng kín hoặc xe bảo ôn chuyên dụng để vận chuyển. Nếu sử dụng các loại phương tiện vận chuyển khác, bắt buộc dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải rắn y tế nguy hại trên phương tiện vận chuyển phải được Sở Y tế chấp thuận và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

+ Có thành, đáy, nắp kín, kết cấu cứng, chịu được va chạm, không bị rách vỡ bởi trọng lượng chất thải, bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển;

+ Có biểu tượng về loại chất thải lưu chứa theo quy định tại Phụ lục 03 kèm theo Kế hoạch này với kích thước phù hợp, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu trên thiết bị lưu chứa chất thải;

+ Được lắp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển nhưng bảo đảm không bị rơi, đổ trong quá trình vận chuyển chất thải;

+ Chất thải lây nhiễm trước khi vận chuyển phải được đóng gói trong các thùng, hộp hoặc túi kín, bảo đảm không bị bục, vỡ hoặc phát tán chất thải trên đường vận chuyển.

c. Trong quá trình vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại từ cơ sở y tế phát sinh về cơ sở xử lý chất thải y tế cho cụm, nếu xảy ra tràn đổ, cháy, nổ chất thải y tế hoặc các sự cố khác thì phải thực hiện ngay các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

2.2.4. Tần suất vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại tới cụm xử lý

Các cơ sở y tế trong cụm vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại tới cơ sở y tế chỉ định xử lý cho cụm với tần suất phù hợp để đảm bảo không được vượt thời gian lưu giữ theo quy định.

2.3. Yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý chất thải nguy hại

Yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo quy định tại Phụ lục 2 (A) và Phụ lục 2 (B) ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3. Tổng hợp Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh SơnLa.

Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

- Kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho các đơn vị.

- Kinh phí thường xuyên của các đơn vị.

- Phần kinh phí được kết cấu vào giá dịch vụ y tế theo quy định.

- Nguồn kinh phí thu từ các cơ sở y tế xử lý theo mô hình cụm.

- Nguồn xã hội hóa hoặc các nguồn hỗ trợ, hợp pháp khác (nếu có).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan có liên quan chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tiến hành kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải y tế, đặc biệt là CTYTNH theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT và Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức đào tạo, tập huấn, truyền thông và phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và đơn vị có liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật hoặc thực tế công tác quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh có những phát sinh cần phải điều chỉnh công tác quản lý.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả quản lý chất thải nguy hại (bao gồm cả chất thải y tế) theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

2. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan, chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý CTYTNH trên địa bàn tỉnh; tổ chức tập huấn, hướng dẫn các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện việc phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý CTYTNH theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường, việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải y tế, đặc biệt là CTYTNH theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT và Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

- Kịp thời thông tin cho Sở Tài nguyên và Môi trường về các thay đổi trong thực tế công tác quản lý CTYTNH trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng giá dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải y tế đối với các cơ sở y tế xử lý theo cụm.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí để cải tạo, nâng cấp, thay thế các công trình xử lý chất thải y tế theo quy định.

- Tổng hợp báo cáo và đề xuất với UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế trên địa bàn theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 (B) ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

3. Sở Tài chính

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho Sở Y tế hỗ trợ các cơ sở y tế trong công tác xử lý chất thải y tế nguy hại.

- Trên cơ sở đề nghị của Sở Y tế, thẩm định phương án giá xử lý chất thải y tế nguy hại đối với các cơ sở y tế xử lý theo cụm.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phương án cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư cho các công trình, dự án quản lý chất thải y tế nguy hại được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm đáp ứng tốt yêu cầu chủ động xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh.

5. Công an tỉnh

Tăng cường công tác kiểm tra,kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm trong việc thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại đối với các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, các phương tiện truyền thông trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền nội dung của Kế hoạch rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

7. Báo Sơn La, Đài Phát thanh và Truyền hình Sơn La

Tổ chức thông tin, tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị liên quan thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong công tác quản lý chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế trên địa bàn và việc thực hiện vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ các cơ sở y tế về cụm xử lý.

9. Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh

- Thực hiện quản lý chất thải y tế theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT, Thông tư liên tịch số 58/TTLT-BYT-BTNMT và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Phân công 01 Lãnh đạo phụ trách về công tác quản lý chất thải y tế và 01 khoa, phòng hoặc cán bộ chuyên trách về công tác quản lý chất thải y tế của cơ sở.

- Lập và ghi đầy đủ thông tin vào Sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại theo quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Kế hoạch này (trừ trường hợp cơ sở y tế tự thực hiện xử lý chất thải y tế), sử dụng Sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại thay thế cho chứng từ chất thải y tế nguy hại khi chuyển giao.

- Bố trí đủ kinh phí, nhân lực hoặc ký hợp đồng với đơn vị bên ngoài để thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế phát sinh tại cơ sở, hoặc chi trả theo đơn giá xử lý chất thải rắn y tế nguy hại cho cơ sở xử lý theo cụm theo hướng dẫn của Sở Y tế, Sở Tài chính.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và đào tạo, tập huấn về quản lý chất thải y tế cho tất cả cán bộ, nhân viên của cơ sở và các đối tượng liên quan nhằm đảm bảo công tác quản lý chất thải y tế nói chung và chất thải rắn y tế nguy hại nói riêng tại cơ sở được hiệu quả, đáp ứng quy định của pháp luật.

- Báo cáo kết quả quản lý chất thải rắn y tế nguy hại của cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Kế hoạch này về Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Y tế trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

10. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải rắn y tế nguy hại cho các cụm xử lý

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Mục 9, phần IV của Kế hoạch này, người đứng đầu cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải rắn y tế nguy hại cho các cụm xử lý phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

- Thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đảm bảo yêu cầu theo nội dung trong Kế hoạch này.

- Bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật về khu lưu giữ và thiết bị lưu giữ, thời gian lưu giữ, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tiếp nhận từ các cơ sở y tế trong cụm và các yêu cầu kỹ thuật về phương tiện vận chuyển và thiết bị lưu chứa chất thải trên phương tiện vận chuyển theo quy định trong trường hợp thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải y tế từ các cơ sở y tế trong cụm xử lý.

- Đến tại thời điểm Kế hoạch này ban hành, cơ sở y tế được chỉ định thực hiện việc xử lý chất thải rắn y tế nguy hại cho cụm chưa được đầu tư hoàn thiện hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đảm bảo yêu cầu theo quy định, có trách nhiệm làm đầu mối tiếp nhận, lưu giữ và thuê đơn vị được cấp phép xử lý chất thải nguy hại để vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh cho các cơ sở y tế trong cụm.

Trên đây là Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Sơn La, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện để công tác quản lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh đạt kết quả tốt, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan, góp phần bảo vệ môi trường. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các đơn vị và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết theo quy định của pháp luật./.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch này. Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố báo cáo với UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ TNMT (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các huyện ủy, thành ủy (phối hợp chỉ đạo);
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử;
- Đ/c CVP;
- Lưu: VT, *Biên KT.* 60 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hải

Phụ lục 01

Tổng hợp Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Kèm theo Kế hoạch số: 101 /KH-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Các cụm xử lý chất thải y tế	Địa điểm thực hiện	Công suất xử lý	Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
1	Cụm xử lý số 1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	35 - 65 kg/ giờ.	BVĐK tỉnh; Phục hồi chức năng; Nội tiết; Phong và da liễu; Tâm Thần; Trung tâm y tế dự phòng tỉnh; Trung tâm y tế thành phố; Trung tâm phòng chống Sốt rét - Côn trùng - Ký sinh trùng; Trung tâm kiểm nghiệm; Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS; Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ; các trạm y tế và các phòng khám tư nhân trên địa bàn Thành phố.	Các cơ sở trong cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển đảm bảo theo đúng quy định
2	Cụm xử lý số 2	Bệnh viện Đa huyện Mai Sơn	25 kg/ giờ	BVĐK huyện Mai Sơn; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện.	
3	Cụm xử lý số 3	Bệnh viện Đa huyện Yên Châu	25 kg/ giờ	BVĐK huyện Yên Châu; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện.	
4	Cụm xử lý số 4	Bệnh viện Đa huyện Mộc Châu	35 - 65 kg/ giờ	BVĐK huyện Mộc Châu, Bệnh viện Đa khoa Thảo nguyên huyện Mộc Châu, Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình huyện Mộc Châu, huyện Vân Hồ; Trung tâm y tế huyện Mộc Châu, Vân Hồ; các trạm y tế thuộc 02 huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn 02 huyện.	
5	Cụm xử lý số 5	Bệnh viện Đa huyện Bắc Yên	25 kg/ giờ	BVĐK huyện Bắc Yên; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện	Các cơ sở trong

TT	Các cụm xử lý chất thải y tế	Địa điểm thực hiện	Công suất xử lý	Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
				và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện	cụm tự vận chuyển hoặc thuê đơn vị vận chuyển đảm bảo theo đúng quy định
6	Cụm xử lý số 6	Bệnh viện Đa huyện Phù Yên	30 - 50 kg/giờ	BVĐK khu vực huyện Phù Yên; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện	
7	Cụm xử lý số 7	Bệnh viện Đa huyện Sông Mã	25 kg/giờ	BVĐK huyện Sông Mã; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện.	
8	Cụm xử lý số 8	Bệnh viện Đa huyện Sốp Cộp	25 kg/ giờ	BVĐK huyện Sốp Cộp; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện	
9	Cụm xử lý số 9	Bệnh viện Đa huyện Thuận Châu	25 kg/ giờ	BVĐK huyện Thuận Châu; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện	
10	Cụm xử lý số 10	Bệnh viện Đa huyện Quỳnh Nhai	15 kg/ giờ	BVĐK huyện Quỳnh Nhai; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện	
11	Cụm xử lý số 11	Bệnh viện Đa huyện Mường La	30 - 50 kg/ giờ	BVĐK huyện Mường La; Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm y tế huyện; các trạm y tế thuộc huyện và các phòng khám tư nhân trên địa bàn huyện	

Phụ lục 02

Yêu cầu kỹ thuật khu lưu giữ chất thải tại cơ sở y tế

(Kèm theo Kế hoạch số: 101/KH-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

I. Đối với các cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải rắn y tế theo mô hình cụm cơ sở y tế và bệnh viện

1. Có mái che cho khu vực lưu giữ; nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, không bị chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

2. Có phân chia các ô hoặc có dụng cụ, thiết bị lưu giữ riêng cho từng loại chất thải hoặc nhóm chất thải có cùng tính chất; từng ô, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế nguy hại trong khu vực lưu giữ phải có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải y tế nguy hại được lưu giữ theo Phụ lục số 03 của Kế hoạch này với kích thước phù hợp, dễ nhận biết;

3. Có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, đổ tràn chất thải y tế nguy hại ở dạng lỏng.

4. Có thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy.

5. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phải thường xuyên vệ sinh sạch sẽ.

II. Đối với các cơ sở y tế khác

1. Có mái che cho khu vực lưu giữ; nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, không bị chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

2. Phải bố trí vị trí phù hợp để đặt các dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế.

3. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa phải phù hợp với từng loại chất thải và lượng chất thải phát sinh trong cơ sở y tế. Các chất thải khác nhau nhưng cùng áp dụng một phương pháp xử lý được lưu giữ trong cùng một dụng cụ, thiết bị lưu chứa.

4. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phải có nắp đậy kín, có biểu tượng loại chất thải lưu giữ theo đúng quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Kế hoạch này.

5. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phải thường xuyên vệ sinh sạch sẽ.

Phụ lục 03

Biểu tượng trên bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế

(Kèm theo Kế hoạch số: 101/KH-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

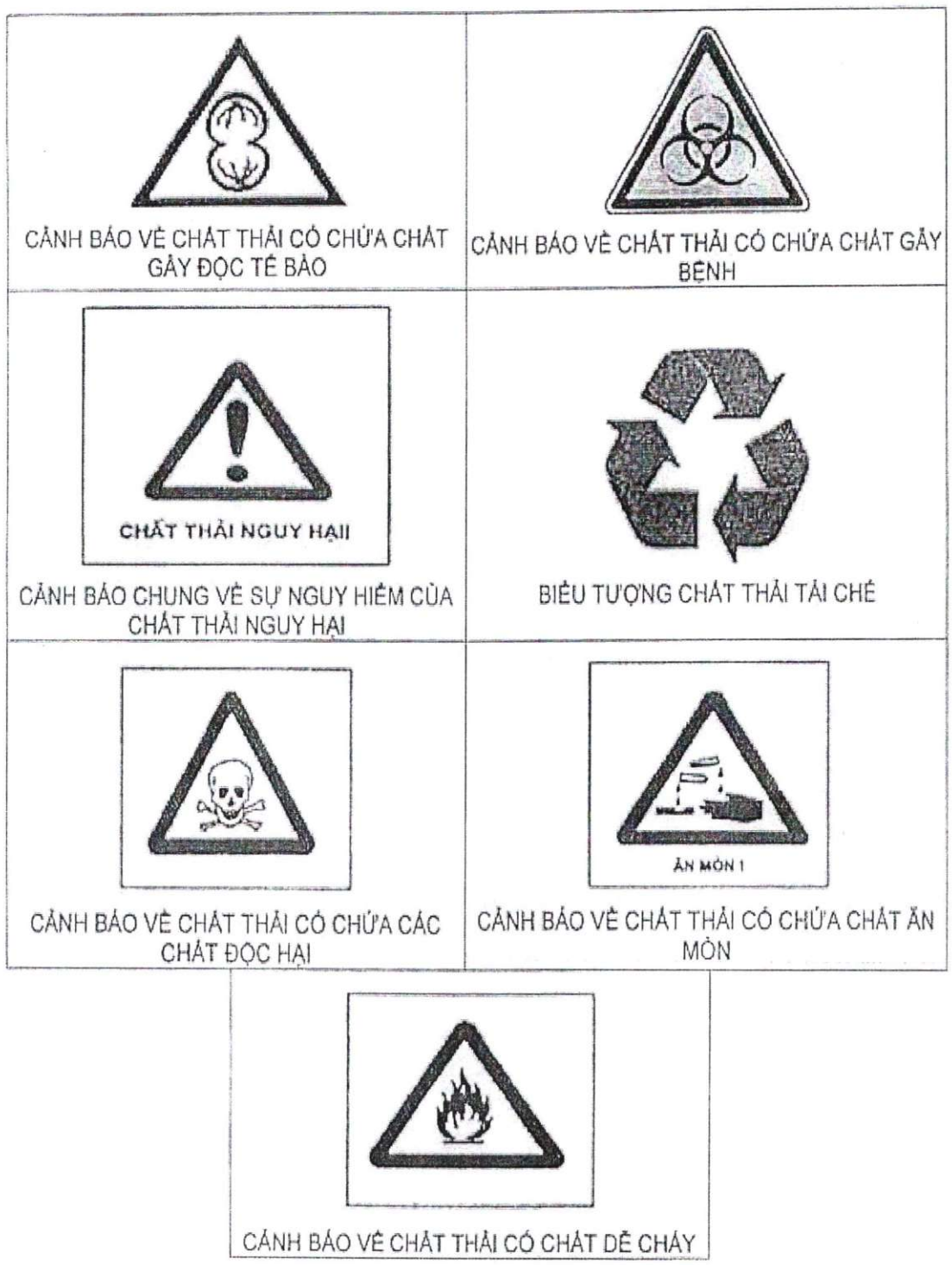

của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Ghi chú: Trình bày, thiết kế và màu sắc của dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại áp dụng theo các quy định trong TCVN 5053 : 1990.

Phụ lục 04

Mẫu sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại

(Kèm theo Kế hoạch số: 101 /KH-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

I. Mẫu bìa sổ:

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ SỞ Y TẾ

SỔ GIAO NHẬN CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI

II. Nội dung ghi trong sổ:

Ngày tháng năm	Lượng chất thải bàn giao (Kg)							Người giao chất thải (Ký ghi rõ họ và tên)	Người nhận chất thải (Ký ghi rõ họ và tên)
	Chất thải lây nhiễm			Chất thải nguy hại khác			Tổng số		
	Sắc nhọn	Không sắc nhọn	Giải phẫu	Chất thải A	Chất thải B	...			
...									
Cộng tháng...									

Ghi chú:

- Sổ giao nhận chất thải này được sử dụng thay thế cho chứng từ chất thải nguy hại đối với cơ sở y tế xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm khi bàn giao chất thải; Đối với cơ sở y tế thuê đơn vị xử lý chất thải theo mô hình tập trung được sử dụng để theo dõi lượng chất thải bàn giao trong tháng làm cơ sở để xuất chứng từ chất thải nguy hại hàng tháng;

- Sổ bàn giao chất thải được Chủ nguồn thải lập thành 02 Sổ, Chủ nguồn thải giữ 01 Sổ và Cơ sở xử lý chất thải giữ 01 Sổ. Mỗi lần giao nhận chất thải giữa hai bên phải điền đầy đủ thông tin và ký nhận giữa hai bên vào 02 sổ để theo dõi, đối chiếu và quản lý;

- Không được tẩy xóa, sửa chữa các thông tin trong sổ.

Phụ lục 05

Mẫu Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế định kỳ của cơ sở y tế

(Kèm theo Kế hoạch số: 101/KH-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh Sơn La)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ SỞ Y TẾ.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---	---
Số: ...../.....	*....., ngày... tháng... năm.....*

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ

(Kỳ báo cáo: từ ngày 01/01/20..... đến ngày 31/12/20.....)

Kính gửi:

- Sở Y tế;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Phần 1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở y tế (Chủ nguồn thải): .....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Mã số QLCTNH (Nếu không có thì thay bằng số Chứng minh nhân dân đối với cá nhân):

Tên người tổng hợp báo cáo: .....

Điện thoại: .....; Email: .....

1.2. Cơ sở phát sinh CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày từng cơ sở)

Tên cơ sở (nếu có)

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

1.3. Số giường bệnh kế hoạch (nếu có): .....; Số giường bệnh thực kê: .....

Phần 2. Tình hình chung về quản lý chất thải y tế tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo

2.1. Tình hình chung về quản lý chất thải y tế tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo:

2.2. Thống kê chất thải y tế phát sinh và được xử lý trong kỳ báo cáo:

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh chất thải y tế thì báo cáo lần lượt đối với từng cơ sở y tế)

TT	Loại chất thải y tế	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Xử lý chất thải y tế			
					Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	Hình thức/ Phương pháp xử lý (*)
					Số lượng	Tên và mã số QLCTNH	Số lượng	
1	Chất thải lây nhiễm, gồm:		kg/năm					
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn		kg/năm					
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn		kg/năm					
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao		kg/năm					
1.4	Chất thải giải phẫu		kg/năm					
2	Chất thải nguy hại không lây nhiễm, gồm:		kg/năm					
2.1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại		kg/năm					
2.2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất		kg/năm					
2.3	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử		kg/năm					

	dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng							
2.4	Chất hàn răng amalgam thải bỏ		kg/năm					
2.5	Chất thải nguy hại khác		kg/năm					
3	Chất thải y tế thông thường		kg/năm					
4	Nước thải y tế		m^3/năm					

Ghi chú: (*) Hình thức/phương pháp tự xử lý chất thải y tế tại cơ sở y tế:

- Chất thải y tế nguy hại và chất thải y tế thông thường: KĐ (hấp ướt, vi sóng), C (Chôn lấp), LĐ (lò đốt 2 buồng). TC (đốt 1 buồng hoặc đốt thủ công), K (phương pháp khác);

Trường hợp một loại chất thải có áp dụng đồng thời trong kỳ báo cáo cả việc thuê xử lý và tự xử lý thì cần ghi rõ hình thức và phương pháp xử lý cho từng trường hợp cụ thể.

- Nước thải y tế: HTXLNT (xử lý qua hệ thống xử lý nước thải), KT (Không xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải, chỉ khử trùng nước thải trước khi xả ra môi trường), KXL (Không xử lý, thải thẳng ra môi trường).

2.3. Thống kê xử lý chất thải y tế trong năm theo mô hình cụm cơ sở y tế (chỉ thực hiện đối với cơ sở y tế xử lý chất thải y tế cho cụm cơ sở y tế):

TT	Loại chất thải y tế	Lượng chất thải y tế nhận từ các cơ sở y tế trong cụm (kg/năm)	Phạm vi xử lý (ghi tên các cơ sở y tế trong cụm)
1			
...			

Phần 3. Kế hoạch quản lý chất thải y tế trong năm tiếp theo

Phần 4. Các vấn đề khác

Phần 5. Kết luận, kiến nghị

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
...